

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2022

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Bà **Đoàn Thị Huệ**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hồng Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh V.

* **Bị đơn**: Chị Phạm Thị Tiền E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H có mặt; chị Tiền E có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:***

Năm 2009 do quen biết anh và chị Tiền E chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm sau thì phát sinh mâu thuẫn nên thường cãi vã. Anh đã nhiều lần tâm sự nhưng không hàn gắn được. Anh và chị Tiền E ly thân từ năm 2020 đến nay.

Về con chung có 01 con chung là Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009. Hiện do anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Tiền E. Về con chung yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009, không yêu cầu chị Tiền E cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai, các ý kiến, yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21 tháng 12 năm 2021 bị đơn chị Phạm Thị Tiền E trình bày:***

Do quen biết chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, do sau khi cưới cả hai đều đi làm thuê ở Phú Quốc nên không có về địa phương đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, chị và anh H đã tâm sự nhiều lần nhưng không hàn gắn được nên ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009, hiện do anh H đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý. Về con chung đồng ý giao cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009 cho anh H, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Tiền E vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày đề nghị Hội đồng xét xử cho anh, chị được ly hôn. Về con chung thống nhất khi ly hôn giao con chung là cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009 cho anh H nuôi dưỡng, chị Tiền E không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Tiền E là vợ chồng. Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị Tiền E giao cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009, cho anh H nuôi dưỡng, chị Tiền E không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Tiền E có hộ khẩu thường trú tại ấp 11, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện An Minh đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Tiền E thống nhất trình bày do quen biết anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình nên thường xuyên cãi vã. Anh H và chị Tiền E xác nhận đã nhiều lần tâm sự mong hàn gắn nhưng không có kết quả và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nên yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh, chị được ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh V đều xác nhận chị Phạm Thị Tiền E, sinh ngày 12/10/1990 và anh Lê Văn H, sinh ngày 06/10/1982 sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh H và chị Tiền E đã thật sự trầm trọng, vì anh chị đã tự tạo cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Anh H và chị Tiền E đã có thời gian ly thân để tự suy nghĩ lại nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị Tiền E, thì chị Tiền E cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh H và chị Tiền E không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị Tiền E thống nhất tiếp tục giao cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009, cho anh H nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Hà V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại anh H chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh H và chị Tiền E xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lê Văn H và chị Phạm Thị Tiền E là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hà V, sinh ngày 27/11/2009 cho anh Lê Văn H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại anh H chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh H và chị Tiền E xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005178 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện An Minh nên cần trừ xem như anh H đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn H, chị Phạm Thị Tiền E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

